

**Bài báo nghiên cứu**

**TRUNG TƯỚNG NGUYỄN BÌNH VỚI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG Ở NAM BỘ (1945-1951)**

*Thái Văn Thơ*

*Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Thái Văn Thơ – Email: [thaivantho.cs2@ftu.edu.vn](mailto:thaivantho.cs2@ftu.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 10-01-2024; ngày nhận bài sửa: 08-3-2024; ngày duyệt đăng: 21-5-2024*

**TÓM TẮT**

Năm 1945, Nguyễn Bình xúc tiến quá trình tập hợp, thống nhất, tiến tới xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang Nam Bộ để đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng. Bài viết tập trung phân tích, chỉ rõ lực lượng vũ trang ở Nam Bộ từ năm 1945 đến năm 1951 từng bước được thống nhất, củng cố, xây dựng và phát triển nhanh về số lượng lẫn chất lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sự lãnh đạo cách mạng năng động, sáng tạo, chủ động sớm tiến hành các hoạt động đào tạo, huấn luyện, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng của Nguyễn Bình cùng các đồng sự nên cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đạt nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của nhân dân Việt Nam những năm đầu kháng Pháp. Sự phát triển lớn mạnh của lực lượng vũ trang Nam Bộ thời gian này nổi bật vai trò và đóng góp quan trọng của Trung tướng Nguyễn Bình, nhà quân sự tài năng, đức độ, trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

**Từ khóa:** lực lượng vũ trang; Trung tướng Nguyễn Bình; Nam Bộ

**1. Đặt vấn đề**

Chỉ ba tuần kể từ sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, “ngày 23/9/1945, nhờ vũ khí của Anh, người Pháp ở Sài Gòn đã giành lại quyền kiểm soát thành phố” (Devillers, 1988, p.94). Trước sự xâm lược của Pháp, quân và dân Nam Bộ anh dũng đứng lên đánh trả. Tuy nhiên với quân số vượt trội và được trang bị các loại vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại lại được quân Anh hỗ trợ tiếp sức, quân Pháp không chỉ đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định mà còn đánh mạnh và tái chiếm các tỉnh Nam Bộ. Trong khi đó, lực lượng cách mạng Nam Bộ còn rất non kém và không đáng kể. Mặt khác tình trạng phân tán, cát cứ của các lực lượng vũ trang, phe phái ở Nam Bộ với nhiều thành phần phức tạp, cơ hội chính trị cũng có dịp “tung hoành” gây khó khăn cho cách mạng và có nguy cơ bị thực dân Pháp tiêu diệt hoàn toàn. Cách mạng cũng chưa thể lãnh đạo, chỉ đạo được nhiều lực lượng vũ trang, giáo phái ở Nam Bộ. Do đó, yêu cầu cấp bách đặt ra cho cách mạng Nam Bộ là phải nhanh chóng tập hợp, thống nhất các phe

---

*Cite this article as:* Thai Van Tho (2024). Lieutenant general Nguyen Binh and the process of building and developing the armed forces in Southern Vietnam (1945-1951). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(5), 934-945.

phái, nhóm vũ trang đang phân tán thành một lực lượng thống nhất để đáp ứng yêu cầu đấu tranh cách mạng. Bài viết phân tích, chỉ rõ và nêu bật vai trò, đóng góp quan trọng của Trung tướng Nguyễn Bình, người có công lớn trong quá trình tập hợp, thống nhất tiến tới xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang Nam Bộ những năm đầu kháng Pháp (1945-1951).

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tình hình Nam Bộ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, thực dân Pháp mở đầu cuộc tái xâm lược Việt Nam bằng hành động đánh chiếm các cơ quan quan trọng của chính quyền cách mạng ở Sài Gòn. Sáng ngày 23/9/1945, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ Trần Văn Giàu phát lời của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ kêu gọi “tất cả đồng bào, già trẻ, trai gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược [...]. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước” (Ho Chi Minh City Party Executive Committee, 2014, p.337). Quân và dân Nam Bộ nhất tề đứng lên đánh Pháp xâm lược. Thực hiện chiến thuật “trong đánh ngoài vây” Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ thành lập bốn mặt trận tiền tuyến ở ngoại thành bao gồm: “Mặt trận số 1 (Mặt trận phía Đông) từ cầu Thị Nghè đến cầu Công Lý do Nguyễn Đình Thâu chỉ huy; Mặt trận số 2 (Mặt trận phía Bắc) vùng Bà Điểm - Hóc Môn, chốt chặn cầu Tham Lương trên quốc lộ số 1, do Nguyễn Văn Tư chỉ huy; Mặt trận số 3 (Mặt trận phía Tây) vùng Phú Lâm, Chợ Đệm do Trần Văn Giàu (về sau Nguyễn Lưu thay) chỉ huy; Mặt trận số 4 (Mặt trận phía Nam) từ Thủ Thiêm qua Nhà Bè đến Cần Giuộc do Nguyễn Văn Trân (về sau Dương Văn Dương thay) chỉ huy. Ngoài ra, Mặt trận Cầu Bến Phân trên sông Vàm Thuật, Gò Vấp do liên quân Thủ Dầu Một và Gia Định phụ trách. Các chiến sĩ tại các mặt trận tiền tuyến chiến đấu kiên cường anh dũng một mặt chốt giữ các cầu chính nhằm bao vây quân xâm lược trong nội thành, mặt khác tung các đơn vị vào nội thành phối hợp với các tổ, đội xung kích bám trụ, tiến hành các cuộc đột kích vào nơi đóng quân, đốt phá các kho tàng quân sự, cơ sở kinh tế của địch, nhanh chóng tiêu hao tiêu diệt sinh lực đối phương rồi cũng nhanh chóng rút ra ngoại thành” (Steering Council for compilation of History of Southern Vietnam Resistance, 2012, pp.238-239).

Ngày 25/11/1945, trong *Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định: “nhiệm vụ chiến thuật của ta ở Nam Bộ [...] là phải cắt đứt dây liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự [...] phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để và cổ động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác ở các thành thị quân địch làm chủ và thi hành “nhà không đồng vắng” nếu quân Pháp tràn về quê” (Communist Party of Vietnam, 2000, pp.31-32). Trong những ngày “trong đánh ngoài vây”, các tỉnh Nam Bộ vừa chi viện lực lượng cho các mặt trận Sài Gòn vừa tích cực chuẩn bị lực lượng để đánh quân Pháp. Vấp phải sự chiến đấu quyết liệt mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ, thực dân Pháp cho quân tiếp viện. Thực dân Anh đã giúp Pháp về máy bay, tàu đổ bộ, lương thực, thuốc men, súng và các loại linh kiện thay thế. Nhận được chi viện về lực lượng cũng như trang bị mạnh, quân Pháp đánh mạnh ra ngoại thành và các tỉnh Nam Bộ. Mặc dù quân và dân Nam Bộ kiên cường đánh trả, làm

tiêu hao nhiều sinh lực đối phương nhưng do chênh lệch lực lượng quá lớn, đến tháng 02 năm 1946, tất cả các tỉnh lỵ ở Nam Bộ đều rơi vào tay quân Pháp.

Ngay khi tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, ở Nam Bộ không có một bộ tư lệnh chung để chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang đa dạng với nhiều thành phần. Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ mang tính chất chính trị và động viên nhiều hơn, không làm được vai trò bộ chỉ huy. Các lực lượng mạnh ai nấy đánh Pháp, không có sự phối hợp, tổ chức chiến đấu theo kế hoạch thống nhất. Ở Nam Bộ, cơ quan lãnh đạo không nắm được bộ đội, không có một đường lối chiến lược, chiến thuật chung cho các lực lượng vũ trang. Trong khi các lực lượng vũ trang cách mạng kháng Pháp đến cùng thì các lực lượng, phe nhóm vũ trang khác ở Nam Bộ bị phân hóa, thái độ cũng như có cơ hội chính trị khác nhau. “Do thiếu lãnh đạo thống nhất, mỗi địa phương mỗi đơn vị chỉ căn cứ vào lực lượng của mình và vào tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà hoạt động” (Steering Council for compilation of History of Southern Vietnam Resistance, 2012, p.259). Khó khăn nữa là sự đánh phá mạnh, mở rộng của quân Pháp cộng với một số cán bộ lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ do yêu cầu công tác lần lượt ra Hà Nội nên sự liên lạc từ Xứ ủy Nam Bộ đến các cơ sở bị gián đoạn và một phần bởi chiến trường bị chia cắt. Đồng thời, sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Xứ ủy ở chiến trường Nam Bộ giai đoạn đầu kháng Pháp hầu như không có.

Có thể thấy, tình hình Nam Bộ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là hiểm nghèo, gay go và hết sức phức tạp. Quân Pháp được sự hỗ trợ của Anh quay lại nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ anh dũng, kiên cường đứng lên đánh trả quyết liệt quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do và chính quyền cách mạng. Tuy nhiên do tương quan lực lượng khá lớn nên thực dân Pháp cũng sớm tái lập lại quyền kiểm soát ở Nam Bộ. Lực lượng vũ trang ở Nam Bộ vừa nhỏ yếu, thiếu trang bị lại hoạt động phân tán, cát cứ từng nơi với nhiều thành phần, lực lượng phức tạp với xu hướng chính trị khác nhau cộng với thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cách mạng trong tình cảnh “son hà nguy biến”. Nam Bộ bấy giờ cần có người đủ uy dũng, đức độ và tài năng đứng ra tập hợp, thống nhất các lực lượng vũ trang đang cát cứ, phân tán, hoạt động thiếu thống nhất, không có tổ chức thành một lực lượng thống nhất có tổ chức để đủ sức kháng Pháp. Và người đủ đức thừa tài có thể giải quyết tình trạng thập bá tranh hùng ở Nam Bộ không thể khác hơn là Nguyễn Bình “ái quốc, ái dân và bình thiên hạ cho an sinh hòa mục” (Institute of Vietnam Military History, 2014, p.79).

## **2.2. Trung tướng Nguyễn Bình và quá trình xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang kháng Pháp ở Nam Bộ những năm 1945-1951**

### **2.2.1. Hoạt động của Nguyễn Bình trước Cách mạng tháng Tám năm 1945**

Nguyễn Bình (Nguyễn Phương Thảo) sinh ngày 30/07/1908 tại làng Bàn An Phú, tổng An Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc thôn An Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên) trong một gia đình nông dân (Nguyen, 2001, p.11). Từ rất sớm, Nguyễn Phương Thảo đã tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào yêu nước. Năm 1926, ông cùng học sinh Trường Kỹ nghệ Hải Phòng tham gia lễ truy điệu Phan Châu Trinh. Tiếp đó,

Nguyễn Phương Thảo tham gia tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (1928) và hoạt động ở Sài Gòn những năm 1928-1929. Đến năm 1929, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt và đày ra Côn Đảo. Trong những năm tháng bị giam cầm ở “địa ngục trần gian”, ông có sự chuyển hướng về nhận thức cũng như quan điểm đấu tranh và ngã theo lí tưởng cộng sản. Đến năm 1935, ông mãn hạn tù và bị chính quyền Pháp đưa về quản thúc ở Hưng Yên, song vẫn bí mật hoạt động. Năm 1943, Nguyễn Bình liên lạc với tổ chức Việt Minh ở Mỹ Hào (Hưng Yên), được giao nhiệm vụ xuống Hải Phòng xây dựng cơ sở cách mạng. Năm 1944, được Xứ ủy Bắc Kỳ giao phụ trách công tác binh vận và mua sắm vũ khí ở Hà Nội, Hải Phòng. Đầu năm 1945, được Xứ ủy cử tham gia xây dựng chiến khu Trần Hưng Đạo. Ngày 08/06/1945, ông trực tiếp chỉ huy đội du kích cách mạng của chiến khu diệt đồn Đông Triều, Chí Linh, Tràng Bạch, Mạo Khê và giải phóng được huyện Đông Triều, Chí Linh. Ngày 20/7/1945, Nguyễn Bình chỉ huy lực lượng vũ trang chiến khu giải phóng thị xã Quảng Yên. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Bình tham gia lãnh đạo, chỉ huy khởi nghĩa giành chính quyền ở Hải Phòng, Đồ Sơn, Kiến An, Hải Dương. Tháng 9 năm 1945, theo chỉ thị của Trung ương Đảng, Ban Chỉ huy Chiến khu Trần Hưng Đạo đổi thành Ủy ban Quân sự liên tỉnh Duyên hải do Nguyễn Bình làm Tư lệnh.

#### 2.2.2. Nguyễn Bình với cách mạng Nam Bộ

#### **Nguyễn Bình với quá trình thống nhất các lực lượng vũ trang và lãnh đạo cách mạng Nam Bộ**

Từ ngày 23/9/1945, nhân dân Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp tái xâm lược. Trước sức mạnh của quân đội phương, trong khi lực lượng vũ trang đang còn nhỏ yếu và phân tán, cát cứ, chưa thống nhất ở Nam Bộ, Nguyễn Bình được Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh cử làm phái viên vào Nam để thực hiện việc thống nhất lực lượng vũ trang cũng như lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Đến ngày 23/10/1945, Nguyễn Bình vào đến Thủ Dầu Một. Ngay khi đến Nam Bộ, ông bắt tay ngay vào việc chuẩn bị tổ chức để thống nhất các lực lượng vũ trang, phe nhóm chính trị ở địa phương. Ngày 29/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ kháng chiến* và khẳng định sự đoàn kết, quyết tâm đánh Pháp đến thắng lợi: “Không một quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hi sinh của toàn thể một dân tộc [...]. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể quốc dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất mà không đội xâm lăng nào đánh tan được” (Ho, 2011, p.89).

Ngày 20/11/1945, tại An Phú xã, huyện Hóc Môn, Nguyễn Bình với tư cách là phái viên của Trung ương triệu tập và tổ chức “Hội nghị quân sự Nam Bộ” đầu tiên. Tham dự hội nghị chủ yếu là đại biểu các đơn vị ở miền Đông như Quân giải phóng quân liên quận, lực lượng vũ trang Bình Xuyên, Đệ tam Sư đoàn, lực lượng vũ trang Cao Đài, Bí thư Liên tỉnh miền Đông, một số đại biểu các Tỉnh ủy... Hội nghị bàn việc thống nhất lực lượng vũ trang Nam Bộ, lấy tên chung là Giải phóng quân Nam Bộ, thống nhất biên chế hình thức chi đội (đối với lực lượng tập trung), phân chia khu vực hoạt động, đề giải pháp tiến hành chiến tranh du kích. Hội nghị cũng cử Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ,

Vũ Đức (Hoàng Đình Giong) làm Chính ủy và Nguyễn Thành Phương (Cao Đài) làm Phó Tư lệnh. Nhân danh Tổng Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ, Nguyễn Bình công bố các văn kiện: *Lời thề cứu nước*, *Thông báo số 1* và *Thông báo số 2*. Trong *Thông báo số 1*, Tư lệnh Nguyễn Bình khẳng định quyết tâm đánh Pháp tới cùng và kêu gọi đồng bào đứng lên kháng Pháp xâm lược. Tiếp ngay sau đó, Nguyễn Bình ra *Thông báo số 2* khẳng định tính chính thống của Giải phóng quân Nam Bộ: “Từ ngày 22/11/1945, các lực lượng vũ trang sẽ thống nhất quân hiệu Giải phóng quân Nam Bộ. Ngoài lực lượng chính quy, các tỉnh còn tổ chức các đơn vị trợ chiến gồm địa phương quân và dân quân du kích gọi tắt là dân quân. Các tổ chức vũ trang nhiều hay ít, tập thể hay cá nhân không nằm trong hệ thống Quân Giải phóng kể trên coi như hoạt động bất hợp pháp, giải tán để tránh tình trạng manh động, vô chính phủ” (Nguyen, 2001, p.109). Kể từ đây, lực lượng vũ trang Nam Bộ bước đầu cơ bản được thống nhất, chấm dứt tình trạng phân tán, cát cứ và đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu thống nhất của Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ. Hội nghị tại An Phú xã được coi như Hội nghị quân sự đầu tiên ở Nam Bộ từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Hội nghị có “tác dụng động viên niềm tin của quân dân Nam Bộ về sự thống nhất lực lượng vũ trang, có lãnh đạo từ Trung ương” (Party Committee of Military Region 7, 2010, p.37).

Ngày 10/12/1945, Hội nghị Xứ ủy mở rộng ở Bình Hòa Nam (nay là huyện Đức Huệ, Long An) triển khai quyết định của Trung ương về việc chia Nam Bộ thành ba chiến khu: Chiến khu 7, 8 và 9. Chiến khu 7 gồm thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và 6 tỉnh miền Đông Nam Bộ (Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn) do Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng (Nguyễn Bình thôi giữ chức Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ). Chiến khu 8 gồm 5 tỉnh miền Trung Nam Bộ (Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Sa Đéc) do Đào Văn Trường làm Khu bộ trưởng. Chiến khu 9 gồm 9 tỉnh miền Tây Nam Bộ (Vĩnh Long, Trà Vinh, Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên) do Vũ Đức làm Khu bộ trưởng. Đến cuối năm 1946, hai tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh chuyển về Chiến khu 8.

Ngày 10/4/1946, tại chiến khu Bà Queo “một mặt trận thống nhất dân tộc thu hút các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và các nhóm kháng chiến khác tham gia đã được thành lập dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Bình” (Tonnesson, 2013, p.149). Hoạt động này của Nguyễn Bình có ý nghĩa quan trọng vừa nhằm tranh thủ, lôi kéo các lực lượng, đảng phái vừa thể hiện tinh thần đoàn kết các lực lượng, tổ chức vũ trang, tránh tình trạng cát cứ, phân tán để đủ sức đánh thực dân Pháp khi mở rộng sự xâm lược. Nhằm cứu vãn nền hòa bình rất mong manh và để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến khó tránh khỏi bởi dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet kí bản Tạm ước 14/9 tại Pháp, “đây là một sự lựa chọn cần thiết và duy nhất đúng trong tình hình quan hệ Việt - Pháp đang căng thẳng đến mức sắp tan vỡ” (Nguyen & Le, 2022, p.624). Tuân thủ những nội dung đã kí trong Tạm ước 14/9 cũng như chủ động trong hoạt động đấu tranh để bảo vệ lực lượng cách mạng, ngày 10/10/1946 tại Nam Bộ, Nguyễn Bình, Ủy viên Quân sự Nam Bộ ra Thông sắc: “Cho tất cả Vệ quốc

đoàn ở Nam Bộ, cho các chi đội, các bộ đội lưu động, các đội du kích, các tổ chức tự vệ chiến đấu, các tổ chức dân quân. Phải tuyệt đối thi hành đúng bản Thỏa hiệp án ngày 14/9/1946 về những khoản có liên quan đến vấn đề quân sự. Phải ngưng ngay bắn phá trước hời 24 giờ ngày 29/10/1946. Phải tránh hết mọi sự khiêu khích với quân đội Pháp. Phải giữ vững và củng cố vị trí đóng quân của ta, nhưng cũng phải đánh khi bị đặt vào tình thế tự vệ [...]” (Command of Military Region 7, 2016, pp.367-368).

Từ cuối năm 1945 đến năm 1946, Nguyễn Bình tập trung vào quá trình tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và các căn cứ địa ở Nam Bộ nhất là tại Chiến khu 7. Không chỉ ở chiến khu, Nguyễn Bình còn chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ở địa bàn đô thị, nhất là tại Sài Gòn - Chợ Lớn. Nguyễn Bình đã đích thân nhiều lần “đột nhập” vào nội thành để nắm bắt, theo dõi, nghiên cứu tình hình. Kể từ tháng 03 năm 1946 trên địa bàn thành thị của Khu 7 hình thành 15 khu, đội tự vệ hoạt động mạnh trong lòng đối phương. Năm 1946, sau khi nghiên cứu tình hình cụ thể của các nhóm vũ trang và hoạt động vũ trang ở nội thành Sài Gòn, Khu trưởng Khu 7 Nguyễn Bình kết luận có thể đánh du kích giữa lòng địch, xuất phát từ căn cứ là cơ sở trong dân, từ đó đã chỉ đạo xây dựng 06 ban công tác thành, lấy tên chung là Ban Công tác Thành, tiền thân của Biệt động Sài Gòn sau này. Đến tháng 4 năm 1946, có hơn 60 cán bộ Trường Quân chính Khu 7 được phân công vào Sài Gòn để xây dựng lực lượng tự vệ thành ở các khu dân cư, thành lập cơ quan chỉ huy là Thành bộ Tự vệ nhằm thống nhất các lực lượng này. Đến cuối năm 1946, ở miền Đông Nam Bộ đã hình thành lực lượng vũ trang ba cấp: bộ đội tỉnh, khu; du kích tập trung huyện; dân quân du kích làng ấp. Tại miền Đông Nam Bộ, trong thời gian này cũng “hình thành 17 chi đội Vệ quốc đoàn. Mỗi chi đội gắn với một tỉnh chịu sự lãnh đạo của tỉnh ủy, chịu sự chỉ huy của Khu về quân sự, trực thuộc chính quyền tỉnh về mặt cung cấp” (Party Committee of Military Region 7, 2010, pp.46-47). Cho đến ngày toàn quốc kháng chiến, ở Nam Bộ đã hình thành 27 chi đội Vệ quốc đoàn cùng một số đơn vị tác chiến độc lập và đơn vị Quốc vệ đội. Đến cuối năm 1946, về tổ chức, trên toàn chiến trường Nam Bộ “có tổng cộng 30 đơn vị vũ trang tập trung cấp chi đội và tiểu đoàn với khoảng 15.000 người” (Command of Southern Vietnam, 1949, p.48). Thêm nữa đến năm 1947, Nam Bộ còn có thêm 4 đơn vị “bộ đội hải ngoại” gồm những Việt kiều tại Lào, Campuchia, Thái Lan tình nguyện về chiến đấu chống Pháp trên chiến trường Nam Bộ. Đến cuối năm 1947, lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam Bộ đã hoàn chỉnh thêm một bước hình thức ba cấp: bộ đội tập trung khu, tỉnh; du kích tập trung huyện hoặc liên xã; dân quân du kích xã ấp và tự vệ. Mỗi xã đều có đội du kích, ấp có dân quân tự vệ.

Ngày 25/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 115/SL thụ phong quân hàm trung tướng cho Nguyễn Bình. Ông cũng là vị trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến ngày 15/2/1948, Nguyễn Bình được Chính phủ chuẩn y giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính Nam Bộ. Ngày 14/9/1948, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Ban Quân sự Nam Bộ do Nguyễn Văn Tây làm trưởng ban, Khu trưởng Khu 7 Nguyễn Bình kiêm Ủy viên Ban Quân sự Nam Bộ. Đến ngày 24/10/1948, Ban Thường vụ

Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính Nam Bộ ra Châu tri số 69/TV-3 về việc thành lập Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Ngày 18/11/1948, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính Nam Bộ tiếp tục ra Châu tri số 84/TV-3 về danh sách nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Theo đó, Trung tướng Nguyễn Bình được cử làm Tư lệnh, Lê Duẩn giữ quyền phó Tư lệnh kiêm dân quân. Với sự lãnh đạo của Tư lệnh cùng các cán bộ trong Bộ Tư lệnh Nam Bộ công tác xây dựng và phát triển lực lượng dân quân du kích thu được nhiều kết quả. Trong báo cáo ngày 30/12/1948 của Phòng Dân quân Nam Bộ về tình hình dân quân Nam Bộ năm 1948, thì đến cuối năm 1948 tổng số dân quân du kích của miền Nam là 14.618 người tăng 46% so với năm 1947. Đến năm 1948, tổng số dân quân tự vệ Nam Bộ là 270.593 người. Đến thời điểm này, dân quân du kích và tự vệ đã phát triển đều khắp, các huyện đều có lực lượng vũ trang tập trung từ trung đội đến đại đội. “Trung bình mỗi tháng trong các tỉnh bị đối phương chiếm đóng, nhiều dân quân đã cùng bộ đội chiến đấu khoảng 300 trận. Trong những năm 1947-1948, lực lượng vũ trang Nam Bộ được tổ chức, chỉ huy thống nhất, quy củ hơn, trong tác chiến hợp đồng được nhiều đơn vị, mở rộng quy mô, tiến bộ về mặt kỹ thuật, chiến thuật, đạt hiệu quả chiến đấu cao hơn trước [...]” (Steering Council for compilation of History of Southern Vietnam Resistance, 2012, pp.349-350).

Bên cạnh quá trình xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng, quân và dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ cũng tiến hành nhiều hoạt động quân sự sôi nổi những năm 1947-1948 và thu được nhiều kết quả. Năm 1947, trên chiến trường Khu 7 diễn ra nhiều trận chống càn, đánh giao thông, tiến công vào căn cứ sào huyệt đối phương. Ở Khu 8, bộ đội và du kích đánh nhiều trận diệt đồn đối phương, chống càn quét và giao thông chiến. Tại chiến trường Khu 9 cũng diễn ra nhiều trận tiêu diệt đồn đối phương, đánh giao thông. Đến năm 1948, các lực lượng vũ trang Nam Bộ giành thắng lợi lớn trong nhiều trận như trận La Ngà (Biên Hòa), trận Láng Le - Bàu Cò, trận Tầm Vu IV (Cần Thơ), trận Sóc Xoài, trận Mộc Hóa (Tân An), trận La Bang (Trà Vinh)... Nhìn chung năm 1948, quân Pháp không hoàn thành được kế hoạch bình định đã đề ra, ngược lại cuộc chiến tranh nhân dân ở Nam Bộ thêm đà phát triển.

Từ năm 1949, Pháp đẩy mạnh hoạt động bình định ở Nam Bộ và ráo riết thực hiện chiến thuật tháp canh, thiết lập mạng lưới đồn bốt tháp canh dày đặc nhằm tổ chức phòng vệ các trục lộ giao thông, các vùng kinh tế trọng điểm và chia cắt không chế hoạt động của cách mạng. Chiến thuật này gây cho cách mạng nhiều khó khăn. Ngày 3/1/1949, Hội nghị quân sự Nam Bộ mở rộng nhận định sang năm 1949, đối phương sẽ đánh mạnh vào vùng kinh tế của cách mạng, dùng nhân tài vật lực tại chỗ để bổ sung thực lực của họ. Về chính trị, Pháp dùng con bài Bảo Đại, đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, mở rộng bộ máy tề xã trong vùng họ kiểm soát. Hội nghị đề ra nhiệm vụ quân sự cho năm 1949 là “ra sức phát triển phong trào dân quân, ra sức phát triển chiến tranh ở vùng đô thị và tạm chiếm, nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn, tiến tới đánh phá chính sách mở rộng ngụy quân, ngụy quyền, đánh phục kích giao thông, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực đối phương [...] chấn chỉnh lực lượng quân đội, cấp bách xây dựng chủ lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới” (Ho Chi Minh City Party

Executive Committee, 2014, pp.426-427). Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích tình hình tương quan lực lượng giữa cách mạng và quân Pháp, Bộ Tư lệnh Nam Bộ nêu rõ mục đích chính của nhiệm vụ quân sự trên chiến trường năm 1949 là đánh mạnh vào giao thông, kinh tế quan trọng, tiêu diệt quân đối phương, bảo vệ và phát triển cơ sở kinh tế và chính trị của cách mạng. Để đả đảo chính phủ bù nhìn Bảo Đại do Pháp dựng lên, hưởng ứng tinh thần đấu tranh tuyệt thực của các chiến sĩ đang bị giam tại Khám Lớn Sài Gòn cũng như khích lệ tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của chiến sĩ, ngày 5/5/1949, thay mặt Bộ Tư lệnh Nam Bộ, Trung tướng Nguyễn Bình ra lời hiệu triệu các lực lượng vũ trang Nam Bộ phải đánh mạnh trên khắp các mặt trận để trả thù cho các chiến sĩ, đồng bào nhân dân bị giam cầm và đấu tranh tuyệt thực tại Khám Lớn Sài Gòn. Hưởng ứng lời hiệu của Bộ Tư lệnh Nam Bộ, các lực lượng vũ trang Nam Bộ đẩy mạnh tiến công đánh mạnh vào hệ thống giao thông chiến lược, cắt đứt sự liên lạc tiếp tế của đối phương bảo vệ đường giao thông tiếp tế của cách mạng. Quân và dân Nam Bộ phá tan âm mưu liên kết chiến trường Nam Bộ, Cao Miên và Tây Nguyên của đối phương. Đồng thời, tăng cường hoạt động trong các đô thị, phát triển du kích chiến rộng rãi, hoạt động nhằm vào những kho tàng, cơ quan đầu não của đối phương.

Từ ngày 3 đến 5/9/1949, tại căn cứ vùng kênh Dương Văn Dương, Đồng Tháp Mười, Hội nghị quân sự Nam Bộ diễn ra. Hội nghị nhìn nhận, đánh giá những cái đạt được và chưa được về mặt quân sự ở Nam Bộ kể từ sau ngày toàn quốc kháng chiến. Hội nghị cũng ra Nghị quyết quân sự Nam Bộ năm 1949, một nghị quyết có ý nghĩa quan trọng, bước ngoặt trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang Nam Bộ. Ngày 17/11/1949, Thường vụ Trung ương điện gửi Xứ ủy Nam Bộ về nhiệm vụ quân sự ở Nam Bộ, điện nêu rõ: “Làm cho du kích chiến dần dần phát triển thành vận động chiến. Nâng cao trình độ hiểu biết về chiến lược, chiến thuật của cán bộ quân sự. Mở lớp bồi túc cho cán bộ trung cấp. Thống nhất chỉ huy toàn kì. Tiếp tục tiêu thổ kháng chiến và phá hoại trường kì. Chấn chỉnh tổ chức dân quân và chú trọng dân quân ở xã. Huấn luyện đội viên, đào tạo cán bộ dân quân [...]” (Communist Party of Vietnam, 2001a, p.310).

Đến năm 1950, ở Nam Bộ chính sách quân sự của Pháp là “tổ chức nguy quân, tăng cường chủ lực; đóng thêm đồn bốt, bảo vệ các đô thị; hoạt động mạnh ở chiến trường chính Khu 8 và biên giới Cao Miên - Việt Nam; ra sức phá kế hoạch chuẩn bị tổng phản công của cách mạng” (Communist Party of Vietnam, 2001b, pp.719-720). Trong khi đó, cách mạng chủ trương giành quyền chủ động, đẩy mạnh du kích chiến tranh; xây dựng lực lượng, địch vận. Trong xây dựng lực lượng, về chủ lực thành lập bốn trung đoàn và một tiểu đoàn chủ lực, tổ chức đại đội độc lập; xúc tiến xây dựng bộ đội địa phương, tập trung được một trung đội đến một đại đội trong các huyện. Cũng trong năm 1950, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ đạo các đơn vị vũ trang tập trung tiêu diệt quân đối phương ở khắp các địa bàn, xé nhỏ lực lượng đối phương ở các chiến trường khác nhau, đồng thời tấn công tiêu hao sinh lực đối phương. Nhằm để cắt đứt, giải phóng đường số 7 và phần lớn đường liên tỉnh 14, mở rộng căn cứ địa, mở thông hành lang tiếp vận từ đồng bằng sông Cửu Long và Sài Gòn lên vùng căn cứ miền Đông, tiêu diệt một bộ phận sinh lực đối phương, thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích



trong toàn khu, Bộ Tư lệnh Khu 7 mở chiến dịch Bến Cát (Thủ Dầu Một). Chiến dịch Bến Cát diễn ra từ ngày 7/10 đến ngày 15/11/1950. Kết quả chiến dịch đã “tiêu diệt 509 lính, bắt sống 120 người, đánh sập hàng chục tháp canh, đồn bốt, cầu cống, phá hủy 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, 7 tàu thuyền, thu nhiều vũ khí đạn dược, đồ dùng quân sự... của đối phương” (Military Region 7, 2010, pp.62-63). Chiến dịch Bến Cát là chiến dịch quân sự lớn nhất, duy nhất diễn ra tại miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và để lại nhiều bài học kinh nghiệm chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ.

Trong những năm 1947-1950, lực lượng vũ trang Nam Bộ từng bước được đẩy mạnh xây dựng và phát triển. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ công tác xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân phù hợp với điều kiện chiến trường ngày càng hoàn chỉnh và phát triển. Bộ đội chủ lực ngày một lớn mạnh phối hợp với bộ đội địa phương tác chiến hiệu quả, sáng tạo và thực hiện nhiều trận đánh lớn, nhỏ tiêu hao lực lượng sinh lực đối phương, góp phần đánh bại chính sách bình định của thực dân Pháp ở Nam Bộ. Đặc biệt, dân quân du kích, dân quân tự vệ ở Nam Bộ phát triển nhanh về số lượng. Đến cuối tháng 6 năm 1950, theo báo cáo của Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ gửi Thủ tướng thì số dân quân tự vệ toàn Nam Bộ có 290.655 nam, 57.209 nữ, 16.759 lao công, 39.971 thiếu nhi, 8818 lão bà, 246 thiếu nữ, dân quân du kích gồm 8243 nam, 570 nữ. Ngoài ra còn tổ chức được 3928 dân quân bí mật và 373 dân quân nội ứng.

Từ ngày 16 đến 20/2/1951, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ họp Hội nghị mở rộng để triển khai những chủ trương, đường lối của Đại hội II của Đảng đối với Nam Bộ. Trong năm 1951, Trung tướng Nguyễn Bình cùng với Bộ Tư lệnh Nam Bộ đề ra chủ trương chủ động kiểm chế quân đối phương trên chiến trường Nam Bộ và tiến lên kịp với phong trào toàn quốc, giành lại Khu 8, tấn công kiểm chế ở Khu 7, giữ vững Khu 9, giúp phong trào Cao Miên phát triển và phối hợp chặt chẽ với Tây Nguyên và Cục Nam Trung Bộ. Nghị quyết quân sự năm 1951 của Bộ Tư lệnh Nam Bộ nêu rõ phương châm chiến lược du kích chiến là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới. Cũng trong năm 1951, để thuận tiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và phù hợp với tình hình cách mạng mới, Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay Xứ ủy Nam Bộ. Theo đó, lực lượng vũ trang Nam Bộ cũng được tổ chức lại đủ ba thứ quân, tinh gọn mà hiệu quả.

#### **Nguyễn Bình với quá trình đào tạo đội ngũ cán bộ quân sự cách mạng cho Nam Bộ**

Song song với việc tổ chức thống nhất lực lượng vũ trang Nam Bộ để đáp ứng yêu cầu cấp thiết cách mạng, ngày 12/12/1945, Nguyễn Bình còn cho thành lập Trường Quân chính Khu 7 tại Thủ Dầu Một nhằm đào tạo nguồn cán bộ quân sự cấp cao bổ sung cho cuộc kháng chiến lâu dài ở Nam Bộ. Với cương vị là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Quân chính và Khu trưởng Khu 7, ông quan tâm, theo dõi sát sao các khóa đào tạo và chỉ đạo phân công học viên về các đơn vị sau khi hoàn thành các khóa học. Từ giữa tháng 12/1945 đến tháng 4/1946, trường mở hai khóa học đầu tiên mang tên Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp với 100 học viên tham gia học tập và được đào tạo. Kết thúc khóa học, phần lớn các học viên tốt nghiệp trở về các đơn vị công tác; một số tỏa về các địa phương của Thủ Dầu Một, Biên

Hòa... để tổ chức hướng dẫn nhân dân phát động chiến tranh du kích, xây dựng chính quyền cơ sở và một bộ phận được điều động vào các cơ sở cách mạng trong nội thành hoạt động. Từ lúc thành lập đến đầu năm 1950 khi Trung tướng Nguyễn Bình thôi làm Khu trưởng Khu 7 kiêm hiệu trưởng Trường Quân chính Khu 7 thì trường tổ chức được 07 khóa học, đào tạo khoảng 900 học viên (trong đó có 100 học viên của Khu 8), với tên các khóa học là Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Dương Văn Dương, Thái Văn Lung, Huỳnh Thúc Kháng, Hoàng Hữu Nam, Phan Châu Trinh (Many authors, 2001, pp.209-238).

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân Nam Bộ đang tiến triển mạnh mẽ quyết liệt với nhiều kết quả đạt được thì ngày 29/9/1951, trên đường từ Nam ra Việt Bắc để báo cáo Trung ương Đảng tình hình Nam Bộ cũng như nhận nhiệm vụ mới, Trung tướng Nguyễn Bình bị quân đối phương phục kích và hi sinh trên đất bạn Campuchia. Việc Trung tướng Nguyễn Bình hi sinh giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ chiến đấu ác liệt, giằng co quyết liệt thực sự là một tổn thất vô cùng lớn của Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhất là quân và dân Nam Bộ, đã mất đi một vị tướng anh dũng, tài ba.

Như vậy, kể từ cuối năm 1945 đến giữa năm 1951, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ và Bộ Tư lệnh Nam Bộ, lực lượng vũ trang ở Nam Bộ với thành phần đa dạng, phức tạp, từ chỗ phân tán, cát cứ tiến tới tập hợp, thống nhất chung thành lực lượng vũ trang duy nhất và từng bước được xây dựng và phát triển nhanh về số lượng lẫn chất lượng. Sau gần sáu năm kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng vũ trang ở Nam Bộ không chỉ được thống nhất mà còn trưởng thành, phát triển đầy đủ ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích cùng được bổ sung, trang bị nhiều vũ khí hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Sự tiến triển của lực lượng vũ trang ở Nam Bộ thể hiện rõ thông qua nhiều trận đánh lớn trên khắp chiến trường và đạt nhiều thắng lợi, góp phần quan trọng làm tiêu hao nhiều sinh lực đối phương, làm phá sản những kế hoạch lớn của thực dân Pháp. Nhờ sớm chuẩn bị, tập hợp, thống nhất, tiến lên xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang mà cách mạng ở Nam Bộ có thể tồn tại và phát triển cũng như thu được nhiều kết quả, tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng những giai đoạn đấu tranh tiếp sau, góp phần lớn cùng cả nước giành thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Để đạt được thành tựu đó, ngoài sự lãnh đạo, chỉ đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Trung ương, Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ cùng tinh thần đoàn kết, quyết tâm chiến đấu kiên cường, anh dũng của quân và dân Nam Bộ còn nổi bật lên vai trò và đóng góp rất lớn của Trung tướng Nguyễn Bình, vị tướng kiệt xuất yêu nước, thương dân và cả đời phụng sự Tổ quốc.

### 3. Kết luận

Trung tướng Nguyễn Bình giữ vai trò và đóng góp lớn trong quá trình tập hợp các lực lượng vũ trang, đảng phái, phe nhóm chính trị cát cứ, phân tán ở Nam Bộ thành một lực lượng vũ trang thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của Đảng. Trong những năm 1945-1951, Nguyễn Bình cùng với Bộ Tư lệnh Nam Bộ đẩy mạnh quá trình xây dựng và

phát triển lực lượng vũ trang, chính trị ở các địa phương để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến trên toàn chiến trường Nam Bộ, góp phần quan trọng tạo ra bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Với tầm nhìn xa trông rộng ông còn chủ động, tích cực đẩy mạnh quá trình xây dựng, thành lập trường Quân chính đào tạo và bồi dưỡng các lực lượng cán bộ kế cận để lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở địa phương, đáp ứng yêu cầu cấp bách cũng như lâu dài của cuộc kháng chiến. Nguyễn Bình không chỉ là vị tướng kiệt xuất, kiên trung mà còn là mẫu mực về người lãnh đạo cách mạng thực tiễn, quyết đoán, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá để đạt thành công lớn và không ngại khó khăn gian khổ, toàn tâm toàn ý thực hiện trọng trách, nhiệm vụ cấp trên giao phó. Cán bộ, sĩ quan cùng các lực lượng vũ trang cả nước nói chung và Nam Bộ nói riêng sẽ mãi tiếp tục học tập, noi theo tấm gương hoạt động cách mạng tận hiến, tận trung ái quốc, vì nước vì dân của cố Trung tướng Nguyễn Bình.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Command of Military Region 7. (2016). *Nam Bo voi toan quoc khang chien [The Southern Vietnam and the whole country resisted]*. National Political Publishing House.
- Command of Southern Vietnam. (1949). *Bao cao tinh hình Nam Bo (1945-1949) [Report on the Southern Vietnam situation (1945-1949)]*, Office of the Ministry of National Defense, Southern Vietnam Documents, Folder 06.
- Communist Party of Vietnam. (2000). *Van kien Dang toan tap*, tap 8 [*The Complete Party Documents, 8*]. National Political Publishing House.
- Communist Party of Vietnam. (2001a). *Van kien Dang toan tap*, tap 10 [*The Complete Party Documents, 10*]. National Political Publishing House.
- Communist Party of Vietnam. (2001b). *Van kien Dang toan tap*, tap 11 [*The Complete Party Documents, 11*]. National Political Publishing House.
- Devillers, P. (1988). *Paris - Saigon - Hanoi*. Gallimard/Julliard Publisher.
- Ho Chi Minh City Party Executive Committee. (2014). *Lich su Dang bo Thanh pho Ho Chi Minh (1930-1975) [History of Ho Chi Minh City Party Committee (1930-1975)]*. National Political Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Toan tap*, tap 4 [*Complete works, 4*]. National Political Publishing House.
- Institute of Vietnam Military History. (2014). *Danh nhan quan su Viet Nam*, tap 5 [*Vietnamese military celebrities, 5*]. People's Army Publishing House.
- Many authors (2001). *Nguyen Binh – Trung tuong dau tien cua Quan doi Nhan dan Viet Nam [Nguyen Binh – The first Lieutenant General of the Vietnam People's Army]*. People's Army Publishing House.
- Military Region 7. (2010). *Lich su luc luong vu trang Quan khu 7 (1945-2010) [History of the 7th Military Region armed forces (1945-2010)]*. People's Army Publishing House.

- Nguyen, T. H., & Le, K. S. (2022). Hoat dong ngoai giao cua Chu tich Ho Chi Minh voi cac nuoc Anh, Lien Xo, Mi, Phap trong khang chien chong Phap (1945-1954) [President Ho Chi Minh's diplomatic activities with UK, USSR, USA and France in the war against the France (1945-1954)]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(4), 614-627. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.4.3396\(2022\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.4.3396(2022))
- Nguyen, T. T. (2001). *Trung tuong Nguyen Binh [Lieutenant General Nguyen Binh]*. People's Army Publishing House.
- Party Committee of Military Region 7. (2010). *Lich su Dang bo Quan khu 7 (1945-2005) [History of the Party Committee of Military Region 7 (1945-2005)]*. People's Army Publishing House.
- Steering Council for compilation of History of Southern Vietnam Resistance. (2012). *Lich su Nam Bo khang chien (1945-1954)*, tap 1 [*History of Southern Vietnam Resistance (1945-1954)*, 1]. National Political Publishing House.
- Tonnesson, S. (2013). *Viet Nam 1946 chien tranh bat dau nhu the nao? [Vietnam 1946: How the War Began?]*. National Political Publishing House.

---

**LIEUTENANT GENERAL NGUYEN BINH AND THE PROCESS OF BUILDING  
AND DEVELOPING THE ARMED FORCES IN SOUTHERN VIETNAM (1945-1951)**

*Thai Van Tho*

*Foreign Trade University, Ho Chi Minh City Campus, Vietnam*

*Corresponding Author: Thai Van Tho – Email: thaivantho.cs2@ftu.edu.vn*

*Received: January 10, 2024; Revised: March 08, 2024; Accepted: May 21, 2024*

**ABSTRACT**

*In 1945, Nguyen Binh spearheaded the process of gathering, unifying, and proceeding to build and develop the armed forces in Southern Vietnam to meet the pressing demands of the revolution during that period. This article examines how the armed forces in Southern Vietnam from 1945 to 1951 were progressively unified, consolidated, constructed, and rapidly developed in both quantitative and qualitative terms. The research findings demonstrate that it was the dynamic, creative, and proactive revolutionary leadership in the early implementation of training, coaching, building, and developing the revolutionary armed forces by Nguyen Binh and his colleagues that enabled the resistance in Southern Vietnam to achieve numerous successes, making a significant contribution to the overall victory of the Vietnamese people in the initial years of resistance against French colonial forces. The robust development of the Southern Vietnamese armed forces during this timeframe highlighted the pivotal role and contributions of Lieutenant General Nguyen Binh, a talented and virtuous military leader who became the first lieutenant general of the Vietnam People's Army.*

**Keywords:** Armed forces; Lieutenant General Nguyen Binh; Southern Vietnam